

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/DS-ST
Ngày: 22 - 11 - 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Mai Tấn Đầu**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Kiệt.**

2. Bà **Huỳnh Phương Lan.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lý Văn Toán** -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang:* Bà **Trần Thị Quỳnh Trâm**- Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 230/2017/TLST- DS, ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐST-DS, ngày 18 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-DS ngày 04/11/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần **ĐT&PT VN**

Địa chỉ: HV, Quận HK, TP HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Công N – Q. Giám đốc Ngân hàng thương mại **ĐT&PT VN**, chi nhánh KG.

Địa chỉ: ... TP, phường VTV, thành phố RG, tỉnh KG.

Người được ủy quyền lại: Ông **Võ Minh P**, sinh năm 1978. Chức vụ: Cán bộ quản lý tín dụng Ngân hàng TMCP **ĐT & PT VN** - Phòng giao dịch CT.

*** Bị đơn:** 1. Ông **Mai Văn G**, sinh năm 1952

2. Bà **Vương Thị H**, sinh năm 1951

Cùng địa chỉ: ấp HT, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG. (vắng mặt tại phiên tòa)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh **Mai Chí T**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 11, ấp HT, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG

2. Chị **Mai Vương D**, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 11, ấp HT, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG

Chỗ ở hiện nay: Đường số 13, phường TCH, Quận 12, TP. HCM

3. Chị **Mai Vương N**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

4. Chị **Mai Vương T**, sinh năm 1991 (vắng mặt)

5. Anh **Mai Chí T**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: tổ 11, ấp HT, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG

6. Anh **Mai Chí T**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp VT B, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG

7. Chị **Mai Vương D**, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 11, ấp HT, xã VHH, huyện CT, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Võ Minh P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần ĐT và PT VN trình bày:

* Hợp đồng tín dụng số T.A.0273.13/HĐTD ngày 24 tháng 12 năm 2013 được ký giữa Ông Mai Văn G - Bà Vương Thị H và Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng sông CL (Nay là Ngân hàng BIDV), cụ thể như sau:

- Số tiền vay : 600.000.000 đồng (bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng).

- Lãi suất cho vay thả nổi, lãi suất tại thời điểm nhận nợ là: 13%/năm, đã điều chỉnh còn 12%/năm.

+ Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

- Mục đích vay vốn: Trả chi phí xây chuồng nuôi heo.

- Thời gian vay vốn: 48 tháng, kể từ ngày 24/12/2013 đến ngày 24/12/2017.

- Ngày chuyển nợ quá hạn: 25/12/2014

* Hình thức đảm bảo nợ vay: Thế chấp quyền sử dụng đất của Bên vay gồm:

Hồ sơ TSTC kèm theo gồm:

- Giấy chứng nhận QSDĐ số phát hành: N 068278, sổ vào sổ cấp giấy CNQSDĐ: VHH004603 QSDĐ/305/CT do UBND huyện Châu Thành cấp ngày: 27/11/1998.

- Giấy chứng nhận QSDĐ số phát hành: N 068527, sổ vào sổ cấp giấy CNQSDĐ: VHH004853 QSDĐ/305/CT do UBND huyện Châu Thành cấp ngày: 27/11/1998.

* Toàn bộ tài sản trên sản trên được Văn phòng Công chứng ML, huyện CT, tỉnh KG công chứng - chứng thực ngày 24/12/2013 và được đăng ký thế chấp ngày 24/12/2013 tại Văn Phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện CT.

* Tính đến ngày 22/11/2019, Ông Mai Văn G và bà Vương Thị H còn nợ Ngân hàng cụ thể như sau:

(Đvt : VNĐ)

TT	Số Hợp đồng	Dư nợ gốc	Nợ lãi trong hạn	Nợ lãi quá hạn	Tổng cộng
	T.A.0273.13/HĐTD	600.000.000	437.957.595	97.113.146	1.135.070.741

Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN – Chi nhánh KG – PGD CT đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và làm việc với ông Mai Văn G và bà Vương Thị H. Yêu cầu trả nợ cho Ngân hàng nhưng đến nay ông Mai Văn G và bà Vương Thị H vẫn chưa trả nợ theo cam kết trong Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN yêu cầu Toà án buộc bên vay là Ông Mai Văn G và bà Vương Thị H phải trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi một lần cho Ngân hàng tính đến hết ngày 21/11/2019 là: 1.135.070.741 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi một đồng*) và toàn bộ lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 22/11/2019 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

Đồng thời ông Mai Văn G và bà Vương Thị H phải chịu toàn bộ án phí trong vụ kiện này.

Trường hợp ông Mai Văn G và bà Vương Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, yêu cầu Toà án buộc phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp của bên vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng

Tại phiên toà hôm nay: ông Võ Minh P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN phòng giao dịch ML: Yêu cầu Toà án buộc bên vay là ông Mai Văn G và bà Vương Thị H phải trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi một lần cho Ngân hàng tính đến hết ngày 21/11/2019 là: 1.135.070.741 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi một đồng) và toàn bộ lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 22/11/2019 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng. Đồng thời ông Mai Văn G và bà Vương Thị H phải chịu toàn bộ án phí trong vụ kiện này.

Trường hợp ông Mai Văn G và Bà Vương Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, yêu cầu Toà án buộc phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp của bên vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng

**** Bị đơn ông Mai Văn G và bà Vương Thị H vắng mặt nhưng bản tự khai nộp cho Tòa án có ý kiến trình bày:***

Nguyên ông bà có vay vốn của ngân hàng TMCP ĐT và PT VN số tiền gốc là 600.000.000 đồng theo các hợp đồng tín dụng để mở rộng diện tích chăn nuôi theo mô hình trang trại. Tổng đàn heo 150 con trong quá trình nuôi bị mất giá và dịch bệnh nên bị lỗ 200.000.000 đồng. Tổng số đàn gà là 1.500 con còn 15 ngày xuất bán do trạm thú y tiêm ngừa bị sốc thuốc chết. Trong quá trình nuôi heo gà ước tính lỗ khoảng 400.000.000 đồng. Ngoài ra do bị giạt nợ nên gia đình không còn vốn để cân đối đóng lãi và trả nợ ngân hàng cho đến nay nên bị trễ hạn trả nợ ngân hàng. Phương hướng trả nợ: xin ngân hàng TMCP ĐT và PT VN gia hạn 6 tháng để tìm đầu ra, bán đất để trả nợ.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ***

lý đến thời điểm nghị án tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc yêu cầu ông Mai Văn G và bà Vương Thị H phải thanh toán cho ngân hàng còn thiếu cho đến nay là 1.135.070.741 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi một đồng*) và toàn bộ lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 22/11/2019 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng. Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0314.13 ngày 24/12/2013 thế chấp 02 quyền sử dụng đất số N068527 và N068278 cho khoản vay 600 triệu đồng thì hợp đồng thế chấp chỉ có ông Mai Văn G, bà Vương Thị H, chị Mai Vương D và anh Mai Chí T đồng ý thế chấp và ký vào hợp đồng còn những người còn lại là anh Mai Chí T1, chị Mai Vương D, chị Mai Vương N, chị Mai V, anh Mai Chí T2 và chị Mai Vương T là những người đồng sở hữu thì Ngân hàng TMCP phát triển nhà đồng bằng Sông CL (nay là Ngân hàng BIDV) không đưa họ vào tham gia thế chấp cũng như không lấy ý kiến của những người đồng sở hữu này. Do vậy, hợp đồng thế chấp số 0314.13 không đảm bảo về mặt nội dung theo quy định của pháp luật nên yêu cầu của Ngân hàng TMCP phát triển nhà đồng bằng Sông Cửu L (nay là Ngân hàng BIDV) yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông G, bà H không thực hiện nghĩa vụ là không có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng TMCP ĐT và PT VN thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh KG.

[2] - Về sự có mặt của đương sự: ông Mai Văn G, bà Vương T, anh Mai Chí T, chị Mai Vương D, chị Mai Vương N, chị Mai Vương T, anh Mai Chí T1, anh Mai Chí T2, chị Mai Vương D đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ và

đăng báo trên công thông tin đại chúng nhưng vẫn cố tình vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Mai Văn G, bà Vương Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Chí T, chị Mai Vương D, chị Mai Vương N, chị Mai Vương T, anh Mai Chí T1, anh Mai Chí T2, chị Mai Vương D.

[3] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ngân hàng TMCP ĐT và PT VN yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Mai Văn G và bà Vương Thị H phải trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi một lần cho Ngân hàng tính đến hết ngày 21/11/2019 là: 1.135.070.741 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi một đồng*) và toàn bộ lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 22/11/2019 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng. Trường hợp ông Mai Văn G và bà Vương Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu Tòa án buộc phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp của bên vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

[4] - Về nội dung vụ án: Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN yêu cầu buộc bị đơn vợ chồng ông Mai Văn G và bà Vương Thị H phải trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi một lần cho Ngân hàng tính đến hết ngày 21/11/2019 là: 1.135.070.741 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi một đồng*) và toàn bộ lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 22/11/2019 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng. Trường hợp ông Mai Văn G và bà Vương Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu Tòa án buộc phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp của bên vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[4.1] - Đối với yêu cầu buộc ông Mai Văn G và bà Vương Thị H phải trả nợ còn thiếu của ngân hàng với số tiền: 1.135.070.741 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi một đồng*) và toàn bộ lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín

dụng kể từ ngày 22/11/2019 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy: Giao dịch vay tài sản giữa nguyên đơn ngân hàng TMCP ĐT và PT VN với bị đơn ông Mai Văn G và bà Vương Thị H là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và phù hợp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 về hợp đồng vay tài sản, bị đơn ông Mai Văn G và bà Vương Thị H đã nhận được tài sản thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2005.

Hợp đồng giữa các bên ký kết là hợp pháp cả về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Do vậy việc thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông Mai Văn G và bà Vương Thị H về mức lãi suất nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử 22/11/2019 vợ chồng ông Mai Văn G và bà Vương Thị H còn nợ Ngân hàng số tiền là: 1.135.070.741 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi mốt đồng*) và toàn bộ lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 22/11/2019 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng. Ông G và bà H cho rằng do làm ăn thua lỗ, khó khăn nên đã vi phạm hợp đồng, không đóng tiền gốc và lãi được cho ngân hàng nên xin trả trong thời gian từ 06 tháng khi bán được tài sản là không có cơ sở chấp nhận như thế sẽ kéo dài thời gian trả nợ đối với ngân hàng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng. Do việc ông G và bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã làm thiệt hại đến quyền lợi của Ngân hàng, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết, cho nên ông G và bà H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền cả gốc và lãi là: 1.135.070.741 đồng là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng TMCP ĐT và PT VN buộc bị đơn ông Mai Văn G và bà Vương Thị H ngân hàng TMCP ĐT và PT VN số tiền là

1.135.070.741 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi một đồng*) và toàn bộ lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 22/11/2019 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

[4.2] - Đối với yêu cầu trong trường hợp ông Mai Văn G và bà Vương Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu Toà án buộc phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp của bên vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 24/12/2013 tuy có công chứng nhưng không đúng quy định pháp luật do trong các giấy chứng nhận QSDĐ số phát hành: N 068278, số vào sổ cấp giấy CNQSDĐ: VHH004603 QSDĐ/305/CT do UBND huyện Châu Thành cấp ngày: 27/11/1998 và Giấy chứng nhận QSDĐ số phát hành: N 068527, số vào sổ cấp giấy CNQSDĐ: VHH004853 QSDĐ/305/CT do UBND huyện Châu Thành cấp ngày: 27/11/1998 đều thể hiện cấp cho hộ ông Mai Văn G mà trong hộ gồm các thành viên ông Mai Văn G, bà Vương Thị H, anh Mai Chí T, chị Mai Vương D, chị Mai Vương N, chị Mai Vương T, anh Mai Chí T1, anh Mai Chí T2, chị Mai Vương D. Tuy nhiên, trong hợp đồng thế chấp trên chỉ có ông Mai Văn G, bà Vương Thị H, Mai Vương D và Mai Chí T ký tên định đoạt phần tài sản chung của hộ khi chưa có mặt đầy đủ thành viên trong hộ, không có biên bản họp mặt gia đình thống nhất việc giao hay định đoạt cho những người đã ký trong hợp đồng thế chấp để vay tài sản là không đúng quy định pháp luật gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên khác trong hộ gia đình. Mặt khác, trong biên bản ghi lời khai của anh Mai Chí T (BL 54) thì anh T cho rằng trong phần đất mà ông G và bà H đã thế chấp cho ngân hàng thì có một phần đất mà cha anh là ông Giang và Húng đã cho anh sử dụng từ trước, hiện tại anh vẫn đang sử dụng phần đất này. Anh cũng không biết việc ông G và bà H đã thế chấp tài sản để vay tiền của ngân hàng. Do đó, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 24/12/2013 đã vi phạm về nội dung nên không có hiệu lực pháp luật.

Từ những nhận định trên HĐXX xét thấy: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng TMCP ĐT và PT VN về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 24/12/2013 giữa nguyên đơn ngân hàng TMCP ĐT và PT VN và bị đơn vợ chồng ông Mai Văn G, bà Vương Thị H.

[5] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Buộc ông Mai Văn G, bà Vương Thị H phải chịu án phí dân sự là giá trị tranh chấp là 1.135.070.741 đồng = 36.000.000 đồng + 3% x 335.070.741 đồng = 46.052.122.23 đồng.

Trả lại cho ngân hàng TMCP ĐT và PT VN số tiền 19.056.000 đồng theo biên lai số 0009987 ngày 06/10/2017 của chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 122, 131, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng TMCP ĐT và PT VN buộc bị đơn ông Mai Văn G và bà Vương Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ngân hàng TMCP ĐT và PT VN số tiền là **1.135.070.741 đồng** (*Bằng chữ: Một tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu, không trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi một đồng*) và toàn bộ lãi phát sinh

theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 22/11/2019 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng TMCP ĐT và PT VN về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 24/12/2013 giữa nguyên đơn ngân hàng TMCP ĐT và PT VN và bị đơn vợ chồng ông Mai Văn Gi, bà Vương Thị H.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Buộc ông Mai Văn G, bà Vương Thị H phải chịu án phí dân sự là giá trị tranh chấp là 1.135.070.741 đồng = 36.000.000 đồng + 3% x 335.070.741 đồng = 46.052.122.23 đồng.

Trả lại cho ngân hàng TMCP ĐT và PT VN số tiền 19.056.000 đồng theo biên lai số 0009987 ngày 06/10/2017 của chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4 - Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do

chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Mai Tấn Đầu